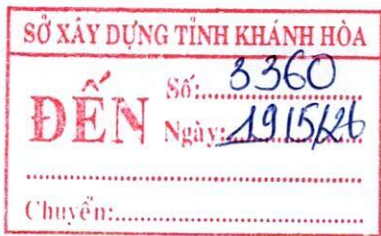


Khánh Hòa, ngày 04 tháng 05 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:
- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần SDC
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4201234654, cấp lần đầu ngày: 07/12/2010 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 18/12/2025 của Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa cấp.
 - Địa chỉ: Lô 39 đường 2A, Khu đô thị Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
 - Điện thoại: 0981.936.017 Email: laskh1059@gmail.com
2. Thông tin về Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:
- Tên Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng Khánh Hòa.
 - Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Lô 39 đường 2A, Khu đô thị Lê Hồng Phong II, Phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
 - Điện thoại: 0981.936.017
 - Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	THỬ NGHIỆM XI MĂNG				
1.	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009	- Bình tỷ trọng xi măng, cân kỹ	- Đỗ Hữu quốc Bão - Lê Trường Vũ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng xi măng	TCVN 13605:2023	thuật, sàng 0.045mm, bộ dụng cụ Vicat.	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích Le chatelier	TCVN 6017:2015 TCVN 8875:2012	- Máy trộn, giăng tạo mẫu, Máy thử cường độ nén, khuôn đúc mẫu 4x4x16cm		
4.	Xác định giới hạn bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011			
2. THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG, VỮA					
5.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	- Cân kỹ thuật, cân phân tích, Bộ sàng thí nghiệm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, thước kẹp, thước lá kim loại - Cân phân tích, tủ sấy, bình định mức, bình tam giác, nhiệt kế, tỷ trọng kế - Máy cắt, nén mẫu	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
6.	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006			
7.	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006			
8.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006			
9.	Khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006			
10.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006			
11.	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006			
12.	Tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006			
13.	Cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	- Máy nén, máy Los Angeles, khuôn nén đập... - Thước kẹp đo thoi dẹt - Cân phân tích, các loại hóa chất thí nghiệm	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
14.	Độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006			
15.	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006			
16.	Hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006			
17.	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 75µm	TCVN 9205:2012			
18.	Hàm lượng ion clo (Cl-)	TCVN 7572-15:2006		- Đặng Tuấn Vũ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3.	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
19.	Lấy mẫu, chế tạo mẫu, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022	- Bộ côn thử độ sụt - Cân kỹ thuật, cân phân tích, thùng đóng, thước lá 400mm - Tủ sấy, bình hút ẩm, bình tỷ trọng, ống đóng. - Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, parafin - Máy thử cường độ nén, uốn, đệm truyền tải. - Máy đo pH, máy khoan mẫu, sàng, - Máy thử cường độ nén, đệm truyền tải, máy khoan, máy cắt.	- Đỗ Hữu quốc - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
20.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022			
21.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993			
22.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022			
23.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022			
24.	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022			
25.	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022			
26.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022			
27.	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:2022			
28.	Xác định cường độ kéo khi bừa của bê tông	TCVN 3120:2022			
29.	Xác định cường độ lắng trụ	TCVN 5726:2022			
30.	Chỉ dẫn kỹ thuật - Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 10306:2014 TCVN 9382:2012 TCVN 12631:2020 Thông tư số 10/2019/TT-BXD; QĐ 778/1998/QĐ-BXD; ACI 211.1-91			
31.	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012			
32.	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên kết cấu toàn khối và sản phẩm đúc sẵn.	TCVN 12252:2020 TCVN 14524:2025 TCVN 14525:2025 TCVN 10303:2025			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
4. THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG					
33.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	- Sàng, Cân kỹ thuật - Bàn giã, thước đo - Máy nén, uốn vữa, khuôn đúc mẫu - Máy xác định lực kéo nhỏ	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
34.	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022			
35.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022			
36.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022			
37.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022			
38.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022			
39.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022			
40.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022			
41.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022			
5. THỬ NGHIỆM VỮA XI MĂNG TRỘN SẴN					
42.	Xác định độ chảy	TCVN 9204:2012	Máy nén vữa, máy trộn, khuôn mẫu, ống đong, cân kỹ thuật	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
43.	Xác định độ tách nước	TCVN 9204:2012			
44.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 9204:2012			
6. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA CHO BÊ TÔNG NHỆ					
45.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 9028:2011	- Sàng, Cân kỹ thuật - Bàn giã, thước đo - Máy nén, uốn vữa, khuôn đúc mẫu	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn	
46.	Xác định độ lưu động	TCVN 9028:2011			
47.	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 9028:2011			
48.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 9028:2011			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
49.	Xác định cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 9028:2011	- Máy xác định lực kéo nhỏ	- Đặng Tuấn Vũ	
50.	Xác định cường độ bám dính	TCVN 9028:2011			
51.	Xác định cường độ liên kết	TCVN 9028:2011 TCVN 7952-11:2008			
7.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA CHÈN CẤP DỰ ỨNG LỰC				
52.	Xác định hàm lượng vón cục	TCVN 11971:2018	Máy nén vữa, phễu đo thời gian chảy, Ống đồng, cân kỹ thuật, côn, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
53.	Xác định độ chảy	TCVN 11971:2018			
54.	Xác định độ chảy lan toả	TCVN 11971:2018			
55.	Xác định độ tách nước và thay đổi thể tích trong quá trình đông kết theo phương pháp ống đứng	TCVN 11971:2018			
56.	Xác định thời gian đông kết	TCVN 11971:2018 TCVN 6017:2014			
57.	Xác định cường độ nén	TCVN 11971:2018 TCVN 6016:2011			
8.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CPĐD TRONG PHÒNG				
58.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012	- Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối chày sứ, bơm chân không, tỷ trọng kế - Bộ sàng, khay chứa, tủ sấy, tấm kính nhám, quả dọi thăng bằng - Cối đầm, chày đầm, dụng cụ tháo mẫu - Dao vòng, cốc thủy tinh có nắp, bình hút ẩm - Máy nén CBR, đồng hồ đo biến dạng, khuôn CBR, tấm đo trương nở	- Phùng Nguyễn Lai - Trần Tuấn Anh - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội	
59.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012			
60.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012			
61.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014			
62.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020			
63.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012			
64.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	TCVN 12792:2020			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
9.	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
65.	Xác định dung trọng, độ ẩm của vật liệu bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012	Dao vòng, cân kỹ thuật	- Phùng Nguyễn Lai - Trần Tuấn Anh - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội	
66.	Xác định dung trọng, độ ẩm của vật liệu trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012	Cân kỹ thuật, bộ dụng cụ phễu rót cát		
67.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nêm		
68.	Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Belkeman	TCVN 8867:2025	Cần đo võng Belkeman, Đồng hồ đo biến dạng, nhiệt kế, giấy kẻ ly		
69.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Ổng đóng cát, bàn xoa, thước dài 500m		
70.	Xác định modul đàn hồi E nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ đồng hồ đo biến dạng		
71.	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén, tấm đệm truyền tải		
72.	Thí nghiệm (CBR) – Ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011	Vòng ứng biến đo lực, đồ hồ đo biến dạng		
73.	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy	- Lê Trường Vũ - Đặng Tuấn Vũ	
74.	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén bê tông	TCVN 9335:2012	Máy siêu âm bê tông, súng bật nảy		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
75.	Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536:2022	Máy siêu âm bê tông		
76.	Cọc – Phương pháp thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh nén dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng	- Lê Hoàng Trung	
77.	Cọc – Phương pháp thí nghiệm sức chịu tải cọc đơn dưới tác dụng của lực kéo dọc trục	ASTM D3689	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng		
78.	Cọc – Phương pháp thí nghiệm cọc dưới tác dụng của lực đẩy ngang	ASTM D3966	Kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng		
79.	Cọc BTLT ứng lực trước – Kiểm tra độ bền uốn nứt thân cọc và khả năng bền cắt thân cọc	TCVN 7888:2014	Kích thủy lực, dụng cụ đo vết nứt	- Lê Hoàng Trung	
80.	Xác định khả năng chịu tải cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:2016	Kích thủy lực, dụng cụ đo vết nứt	- Dương Văn Hội	
81.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm nén, kích thủy lực, bơm, đồng hồ đo biến dạng	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Dương Văn Hội	
82.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Trần Tuấn Anh	
83.	Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012	Kích thủy lực rỗng ruột, nêm	- Lê Trường Vũ - Nguyễn Thạch Tuấn	
84.	Xác định chiều dày lớp sơn, lớp phủ	TCVN 5408:2007 TCVN 9406:2012	Máy đo chiều dày lớp phủ		
85.	Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén, đệm gỗ	- Phùng Nguyễn Lai - Trần Tuấn Anh	
10.	THỬ NGHIỆM GỐI CỐNG, ỐNG CỐNG VÀ CỐNG HỘP BTCT				
86.	Xác định kích thước và độ sâu lệch kích thước; Xác định khuyết tật ngoại quan; Xác định khả năng chịu tải của gối cống	TCVN 10799:2015	Thiết bị nén 3 cạnh, kích thủy lực, thước đo khe nứt, thước lá	- Đỗ Hữu Quốc Bảo - Lê Trường Vũ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
87.	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhân mác, kiểm tra kích thước và độ vuông góc của đầu công, thử khả năng chịu tải của ống công, thử độ thấm nước của ống công	TCVN 9113:2012	Thiết bị nén 3 cạnh, kích thủy lực, thước đo khe nứt, thước lá	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Dương Văn Hội	
88.	Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhân mác, kiểm tra kích thước và độ vuông góc của đầu công hộp, thử khả năng chịu tải của công hộp, thử độ thấm nước của công hộp	TCVN 9116:2012			
11. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG					
89.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
90.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009			
91.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009			
92.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009			
93.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009			
94.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009			
95.	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009			
12. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG					
96.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
97.	Xác định cường độ bền nén				
98.	Xác định độ rỗng				
99.	Xác định độ hút nước				
100.	Xác định độ thấm nước				
13. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TỰ CHÈN					
101.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung	
102.	Xác định cường độ bền nén				

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
103.	Xác định độ hút nước			- Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
14.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN				
104.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
105.	Xác định độ hút nước				
106.	Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên				
15.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERAZO				
107.	Xác định sai lệch kích thước và đánh giá ngoại quan	TCVN 7744:2013	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
108.	Xác định độ hút nước bề mặt theo khối lượng				
109.	Xác định độ bền uốn				
16.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ SẢN PHẨM BÊ TÔNG NHẹ (BÊ TÔNG BỌT, BÊ TÔNG KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP, BÊ TÔNG KHÍ CHỪNG ÁP)				
110.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
111.	Xác định cường độ nén				
112.	Xác định độ hút nước				
113.	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích khô				

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
17. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO					
114.	Xác định khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 13943-1:2024	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, bể ngâm mẫu.	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
115.	Xác định độ bền uốn (uốn gãy)	TCVN 13943-2:2024			
116.	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 13943-6:2024			
117.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 13943-15:2024			
118.	Xác định kích thước, đặc điểm hình học và chất lượng bề mặt	TCVN 13943-16:2024			
18. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN					
119.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 4732:2016 TCVN 6415:2016	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu, bộ thang Mohs	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
120.	Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích				
121.	Xác định độ bền uốn				
122.	XĐ độ cứng vạch bề mặt theo thang Mohs				
19. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH GÓM ỐP LÁT, GẠCH GRANITE					
123.	Lấy mẫu	TCVN 6415-1:2016	Cân kỹ thuật, máy kéo nén đa năng, tủ sấy, bể ngâm mẫu, bộ thang Mohs	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
124.	Kiểm tra kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016			
125.	Xác định độ hút nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016			
126.	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016			
127.	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016			
128.	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
20.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI ĐẤT SÉT NUNG, NGÓI BÊ TÔNG, NGÓI TRÁNG MEN				
129.	Lấy mẫu	TCVN 4313:2023 TCVN 1453:2023 TCVN 6415:2016	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, bể ngâm mẫu	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
130.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan				
131.	Xác định lực uốn gãy				
132.	Xác định độ thấm nước				
133.	Xác định độ hút nước				
134.	Xác định thời gian xuyên nước				
135.	Xác định khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước				
21.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ TỰ NHIÊN				
136.	Lấy mẫu	TCVN 8044:2014	Cân kỹ thuật, máy kéo nén đa năng, tủ sấy, thước đo	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
137.	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý	TCVN 13707-1:2023			
138.	Xác định khối lượng thể tích; khối lượng riêng	TCVN 13707-2:2023			
139.	Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023			
140.	Xác định độ bền khi nén vuông góc với thớ gỗ	TCVN 13707-5:2023			
141.	Xác định độ bền kéo song song với thớ gỗ	TCVN 13707-6:2023			
142.	Xác định độ bền kéo vuông góc với thớ gỗ	TCVN 13707-7:2023			
143.	Xác định độ bền cắt song song với thớ gỗ	TCVN 13707-8:2023			
144.	Xác định độ dẫn nở thể tích của gỗ	TCVN 13707-16:2023			
145.	Xác định độ bền nén song song với thớ gỗ	TCVN 13707-17:2023			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VÁN GỖ NHÂN TẠO				
146.	Lấy mẫu, chuẩn bị mẫu thử	TCVN 11903:2017	Cân kỹ thuật, máy kéo nén đa năng, tủ sấy, thước đo.	- Đỗ Hữu quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
147.	Xác định kích thước hình học	TCVN 11904:2017 TCVN 11950:2018			
148.	Độ ẩm	TCVN 11905:2017			
149.	Khối lượng thể tích	TCVN 7756-4:2007			
150.	Độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm trong nước	TCVN 12445:2018 TCVN 11950:2018			
151.	Mô đun đàn hồi khi uốn và độ bền uốn	TCVN 12446:2018			
152.	Độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018			
153.	Độ bền ẩm	TCVN 7756-8:2007			
154.	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017			
155.	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN 11907:2017			
23.	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG				
156.	Kính tấm, kính dán nhiều lớp xác định: Kích thước ngoại quan và sai lệch kích thước; độ cong vênh	TCVN 7219:2018 TCVN 7527:2005 TCVN 7364:2018	- Thước đo - Thiết bị thử va đập dạng con lắc và dạng rơi bi - Thước đo, tủ sấy	- Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
157.	Xác định độ bền va đập bi rơi; Xác định độ bền va đập con lắc; Xác định lượng mảnh vỡ (kiểm tra phá mẫu vỡ)	TCVN 7368:2013 TCVN 7455:2013			
158.	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp phương pháp thử độ bền; Kích thước và hoàn thiện cạnh; Ngoại quan	TCVN 7364-4,5,6:2018			
24.	NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM				
159.	Kích thước hình học và dung sai hình dạng.	TCVN 12513:2018; JIS – H4100:2015	Máy kéo nén đa năng, thước đo	- Lê Trường Vũ - Nguyễn Thạch Tuấn	
160.	Độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 5839:1994			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
25.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI, LIÊN KẾT HÀN, BU LÔNG, ĐAI ỐC				
161.	Thử kéo	TCVN 197:2014	Máy kéo nén đa năng, thước đo	- Lê Trường Vũ - Nguyễn Thạch Tuấn	
162.	Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy kéo nén đa năng, thước đo, gồ uốn		
163.	Mối hàn vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 5401:2010 ASTM A184/A184M	Máy kéo nén đa năng, thước đo, gồ uốn		
164.	Mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo	TCVN 5403:2012	Máy kéo nén đa năng, thước đo		
165.	Thử kéo bulông, đai ốc, vật liệu bu lông	TCVN 1916:1995 ASTM A370	Máy kéo nén đa năng, bộ ngàm kẹp		
166.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018	Máy siêu âm mối hàn		
167.	Ống kim loại: thử kéo	TCVN 314:2008; ASTM A370	Máy kéo thép		
168.	Ống kim loại: thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; TCVN 9245:2012; ASTM A370	Máy kéo thép, đệm, thước đo		
169.	Cáp dự ứng lực bọc Epoxy từng sợi đơn: Thử tính chất cơ lý: Thử kéo, thử chùng ứng suất, thử kéo mối, thử độ bám dính với bê tông, thử tính dẻo, thử hiệu suất neo	TCVN 10952:2015	Máy kéo cáp		
170.	Cáp dự ứng lực – Thử kéo, độ dẫn dài, môđun đàn hồi	ASTM A416/A416M ASTM 1061/A1061M	Máy kéo cáp		
171.	Nêm neo cáp – Phương pháp xác định độ tụt nêm	BS EN 13391:2004 TCVN 10568:2017	Máy kéo cáp, bộ gá		
172.	Thử kéo mối nối ống bằng ren (Cupler)	TCVN 13711:2023	Máy kéo thép		
173.	Thép dự ứng lực làm cốt bê tông, bê tông dự ứng lực trước	TCVN 7937:2013	Máy kéo thép		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
26. THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA					
174.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ chặt lu lèn; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy ly tâm nhựa, máy đầm, máy nén Marsall, bộ sàng thí nghiệm, khay đựng mẫu, bộ sàng, máy hút chân không, dụng cụ, cân thủy tĩnh, bể ổn nhiệt.	- Phùng Nguyễn Lai - Lê Hoàng Trung - Trần Tuấn Anh	
175.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011 TCVN 13567:2022			
176.	Xác định góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017			
27. THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG DÙNG CHO BÊ TÔNG NHỰA					
177.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8735:2012	Cân kỹ thuật, sàng thí nghiệm, tấm kính nhám, quả dọi thẳng bằng	- Phùng Nguyễn Lai - Lê Hoàng Trung - Trần Tuấn Anh	
178.	Xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020			
179.	Xác định chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012			
28. THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM					
180.	Lấy mẫu	TCVN 7494:2005		- Phùng Nguyễn Lai - Lê Hoàng Trung - Trần Tuấn Anh	
181.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005 TCVN 13567-1:2022	Thiết bị xuyên kim, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt		
182.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	Máy, khuôn thử độ kéo dài		
183.	Xác định điểm hoá mềm (PP vòng bi)	TCVN 7497:2005	Vòng, tấm lót, bi, bình, khung treo, nhiệt kế		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
184.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005	Thiết bị cốc hở Cleveland, dụng cụ đo nhiệt độ		
185.	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005	Tủ sấy, nhiệt kế, cốc mẫu		
186.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế		
187.	Xác định độ bám dính đối với đá dăm	TCVN 7504:2005	Bình thủy tinh, nhiệt kế, bếp đun		
29. THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG					
188.	Độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005	Thiết bị xuyên kim, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, đồng hồ	- Phùng Nguyễn Lai - Lê Hoàng Trung - Trần Tuấn Anh	
189.	Độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005	Máy, khuôn thử độ kéo dài		
190.	Kiểm tra hàm lượng nhựa tươi	TCVN 8863:2025	Cân kỹ thuật, khay hứng mẫu		
30. THỬ NGHIỆM NƯỚC DỪNG CHO XÂY DỰNG					
191.	Váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:1912	Tủ sấy, cân phân tích, máy đo pH, bình định mức, bình tam giác, cốc thủy tinh, giấy lọc, hóa chất	- Đỗ Hữu Quốc Bảo - Đặng Tuấn Vũ	
192.	Xác định hàm lượng cặn không tan, hàm muối hoà tan	TCVN 4560:1988			
193.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011			
194.	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996			
195.	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄)	TCVN 6200:1996			
196.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996			
31. THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC DỪNG CHO BÊ TÔNG					
197.	Xác định hàm lượng tro; Xác định hàm lượng chất khô; Xác định khối lượng riêng; Xác định độ pH.	TCVN 8826:2024	Cân phân tích, bình định mức, tủ sấy, máy đo pH, tỉ trọng kế, tủ nung	- Đỗ Hữu Quốc Bảo - Đặng Tuấn Vũ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
32.	PHỤ GIA HOẠT TÍNH TRO BAY DÙNG CHO BÊ TÔNG, VỮA VÀ XI MĂNG				
198.	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262:2009	Cân phân tích, bình định mức, bình tam giác, tủ sấy, tỉ trọng kế, tủ nung, sàng	- Đỗ Hữu Quốc Bảo - Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
199.	Xác định độ ẩm	TCVN 8262:2009			
200.	Xác định độ mịn theo lượng sót trên sàng 45µm	TCVN 8827:2011 (Phụ lục A)			
201.	Xác định lượng nước yêu cầu	TCVN 8825:2011			
202.	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ đối với xi măng	TCVN 6882:2016			
33.	THỬ NGHIỆM BENTONITE				
203.	Xác định khối lượng riêng; độ nhớt; lực cắt tĩnh; hàm lượng cát; tỷ lệ chất keo; độ pH; hàm lượng mất nước; độ dày áo sét; tính ổn định của dung dịch	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Bộ thí nghiệm bentonite; Cân kỹ thuật, bình định mức, tủ sấy, máy đo pH, thiết bị đo lực cắt tĩnh, thiết bị đo hàm lượng mất nước và độ dày áo sét	- Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Đỗ Ngọc Vĩnh	
34.	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT				
204.	Xác định kéo giặt, độ giãn dài kéo giặt	TCVN 8871-1:2011	- Máy thử vải địa, các bộ dụng cụ kèm theo - Tủ sấy, thước đo, cân kỹ thuật	- Trần Tuấn Anh - Dương Văn Hội - Lê Hoàng Trung - Đỗ Ngọc Vĩnh	
205.	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011			
206.	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011			
207.	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011			
208.	Xác định áp lực kháng bức	TCVN 8871-5:2011			
209.	Xác định khả năng chống chọc thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484:2010			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
210.	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010			
211.	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009			
35.	THỬ NGHIỆM BỘT BẢ TƯỜNG GÓC XI MĂNG				
212.	Xác định độ mịn	TCVN 13605:2023	Cân kỹ thuật, sàng	- Lê Trường Vũ - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
213.	Xác định thời gian đông kết	TCVN 6017:2015	Bộ dụng cụ Vica		
214.	Xác định độ giữ nước	TCVN 7239:2014	Máy hút chân không, giấy lọc, cân kỹ thuật		
215.	Xác định cường độ bám dính	TCVN 7899-2-2008	Máy thử bám dính		
36.	THỬ NGHIỆM TẤM THẠCH CAO, KHUNG XƯƠNG				
216.	Xác định kích thước	TCVN 8257-1:2023	- Thước, đồng hồ đo - Máy kéo nén đa năng, các bộ dụng cụ kèm theo, tủ sấy, cân kỹ thuật	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Dương Văn Hội - Đỗ Hữu Quốc Bảo	
217.	Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi	TCVN 8257-2:2023			
218.	Độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023			
219.	Xác định độ kháng nhỏ đinh	TCVN 8257-4:2023			
220.	Độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5: 2023			
221.	Độ hút nước	TCVN 8257-6:2023			
222.	Độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2023			
223.	Khung xương thạch cao: Xác định kích thước, độ bền kéo, khả năng chịu tải	TCVN 12694:2020 ASTM C635/C635M	Khung thử tải, đồng hồ đo biến dạng		
37.	THỬ NGHIỆM ỐNG PVC, UPVC, ỐNG HDPE, ỐNG PPR				
224.	Xác định kích thước hình học, độ ô van	TCVN 6145:2007	Thước đo	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Dương Văn Hội - Đỗ Hữu Quốc Bảo	
225.	Thử nghiệm độ bền áp suất thủy tĩnh	TCVN 6149:2007	Thiết bị thử va đập, thử độ bền áp suất		
226.	Xác định độ va đập bên ngoài – PP vòng tuần hoàn	TCVN 6144:2003			
227.	Xác định độ bền va đập, thử áp suất ống	TCVN 7305:2008			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
228.	Thử nghiệm độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 7434-1,3:2020 TCVN 7434-2:2004	Máy kéo nén đa năng, thước đo		
229.	Thử nghiệm độ biến dạng khi nén	TCVN 7997:2004	Máy kéo nén đa năng		
230.	Ống nhựa gân xoắn HDPE: Kiểm tra ngoại quan, Áp lực chịu nén của ống	TCVN 9070:2012 TCVN 8699:2011	Máy kéo nén đa năng, thước đo		
231.	Độ biến dạng khi thử nén	TCVN 8699:2011	Máy kéo nén đa năng, thước đo		
232.	Khả năng chống cháy	TCVN 8699:2011	Tủ thí nghiệm đốt cháy		
38.	THỬ NGHIỆM SƠN TƯỜNG DẠNG NHŨ TƯƠNG				
233.	Màu sắc	TCVN 2102:2008	-	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Dương Văn Hội - Đỗ Hữu Quốc Bảo	
234.	Lấy mẫu	TCVN 2090:2015	Dụng cụ lấy mẫu		
235.	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015	Thước thử độ mịn		
236.	Xác định thời gian chảy bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013	Phễu chảy, đồng hồ bấm giây		
237.	Xác định độ bền lớp sơn (phương pháp cắt ô)	TCVN 2097:2015	Bộ dụng cụ cắt mẫu		
238.	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa	TCVN 8653-1:2024	-		
239.	Xác định độ bền nước	TCVN 8653-2:2024	Thùng ngâm mẫu		
240.	Xác định độ bền kiềm	TCVN 8653-3:2024	Thùng ngâm mẫu		
241.	Xác định độ bền rửa trôi màng sơn	TCVN 8653-4:2024	Máy thử độ bền rửa trôi		
242.	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653-5:2024	Tủ sấy		
243.	Xác định độ bền va đập của màng sơn	TCVN 2100:2013	Dụng cụ đo độ bền va đập màng sơn		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
39.	THỬ NGHIỆM MÓNG CPDD & CẤP PHỐI THIÊN NHIÊN GIA CỐ XI MĂNG				
244.	Xác định thành phần hạt và cấp phối hạt; Dung trọng, độ ẩm; Cường độ chịu nén; Cường độ chịu kéo khi ép chế	TCVN 8858:2023 TCVN 8862:2011	Bộ sàng, tủ sấy, dụng cụ đầm nén, máy nén, cân kỹ thuật	- Phùng Nguyễn Lai - Trần Tuấn Anh - Đỗ Ngọc Vĩnh - Dương Văn Hội	
40.	THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN				
245.	Xác định đường kính, tiết diện của lõi dây điện	TCVN 6610:2014 TCVN 6612:2007	Thước đo	Đỗ Ngọc Vĩnh	
246.	Xác định chiều dày lớp cách điện, vỏ bọc	TCVN 6614:2008 TCVN 5935:2013	Thước đo		
247.	Xác định điện trở 1 chiều ở 20°C, điện trở cách điện	TCVN 6612:2007 TCVN 6610:2014 TCVN 2103:1994	Thiết bị đo điện trở		
248.	Xác định độ bền kéo và độ giãn dài khi đứt	TCVN 6614:2008 TCVN 5935:2013 TCVN 5936:1995	Máy kéo nén đa năng, thước đo		
249.	Xác định khả năng chống cháy lan theo chiều thẳng đứng	TCVN 6613:2010	Tủ thí nghiệm đốt cháy		
250.	Ống luồn dây điện: Kích thước, độ bền va đập, thử kéo, nén, khả năng chống cháy ống luồn dây điện	TCVN 6144:2003 TCVN 6145:2007 TCVN 6613:2010 TCVN 8699:2011	Thước đo, thiết bị thử va đập, máy kéo nén đa năng, Tủ thí nghiệm đốt cháy		
41.	THỬ NGHIỆM BĂNG CẢN NƯỚC				
251.	Kiểm tra ngoại quan, xác định kích thước	TCVN 11904:2017	Thước đo, máy kéo đa năng, cân phân tích, dao cắt mẫu, thiết bị đo độ cứng Shore A.	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Dương Văn Hội - Đỗ Hữu Quốc Bảo	
252.	Khối lượng riêng	TCVN 4866:2013			
253.	Độ cứng Shore A	TCVN 1595-1:2013			
254.	Cường độ kéo, độ giãn dài	TCVN 4509:2020			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
42.	THỬ NGHIỆM VỮA, KEO DÁN GẠCH				
255.	Xác định thời gian mờ; Xác định cường độ bám dính khi kéo; Xác định cường độ bám dính sau khi ngâm nước; Xác định cường độ bám dính sau khi gia nhiệt	TCVN 7899-2:2008	Đồng hồ, Máy thử kéo bám dính.	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Dương Văn Hội - Đỗ Hữu Quốc Bảo	
43.	THỬ NGHIỆM RỌ ĐÁ, THẨM ĐÁ				
256.	Kiểm tra đường kính dây thép lưới, thép viên, kích thước mắt lưới; Cường độ chịu kéo, độ giãn dài; Dung sai kích thước rọ đá.	TCVN 10335:2014	Máy kéo đa năng, thước đo...	- Lê Trường Vũ - Nguyễn Thạch Tuấn	

3. Thông tin về Trạm thí nghiệm hiện trường:

- Tên trạm thí nghiệm hiện trường: Trạm thí nghiệm hiện trường Mỹ Ca.
- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường: 06 Nguyễn Chí Thanh, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh hòa.
- Điện thoại: 0865.008.185
- Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại Trạm thí nghiệm hiện trường:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	THỬ NGHIỆM XI MĂNG				
1.	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009	- Bình tỷ trọng xi măng, cân kỹ thuật, sàng 0.045mm, bộ dụng cụ Vicat.	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
2.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng xi măng	TCVN 13605:2023			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết	TCVN 6017:2015 TCVN 8875:2012	- Máy trộn, giăng tạo mẫu, Máy thử cường độ nén, khuôn đúc mẫu 4x4x16cm		
4.	Xác định giới hạn bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011			
2.	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG, VỮA				
5.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	- Cân kỹ thuật - Bộ sàng thí nghiệm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, thước kẹp, thước lá kim loại - Thước kẹp đo thoi dẹt	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
6.	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006			
7.	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006			
8.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006			
9.	Khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006			
10.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006			
11.	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006			
12.	Hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006			
13.	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 75µm	TCVN 9205:2012			
3.	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
14.	Lấy mẫu, chế tạo mẫu, bảo dưỡng mẫu	TCVN 3105:2022	- Bộ côn thử độ sụt	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
15.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	- Cân kỹ thuật, thùng đong, thước lá 400mm		
16.	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022	- Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, parafin		
17.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022 ASTM C39; C42 AASHTO T22	- Máy thử cường độ nén, uốn, đệm truyền tải. - Máy khoan		
18.	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:2022 ASTM C78; C39 AASHTO T97			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
19.	Chỉ dẫn kỹ thuật - Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	TCVN 10306:2014 TCVN 9382:2012 TCVN 12631:2020 TT 10/2019/TT-BXD QĐ 778/1998/QĐ-BXD; ACI 211.1-91	mẫu, sàng,		
20.	Phương pháp xác định cường độ bê tông trên kết cấu toàn khối và sản phẩm đúc sẵn.	TCVN 12252:2020 TCVN 14524:2025 TCVN 14525:2025 TCVN 10303:2025			
4. THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG					
21.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	- Sàng, Cân kỹ thuật	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung	
22.	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022	- Bàn giăng, thước đo	- Dương Văn Hội	
23.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022	- Máy nén, uốn vữa, khuôn đúc mẫu	- Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
5. THỬ NGHIỆM VỮA XI MĂNG TRỘN SẴN					
24.	Xác định độ chảy	TCVN 9204:2012	Máy nén vữa, máy trộn, khuôn mẫu, ống đóng, cân kỹ thuật	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung	
25.	Xác định độ tách nước	TCVN 9204:2012		- Nguyễn Thạch Tuấn	
26.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 9204:2012		- Đặng Tuấn Vũ	
6. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CPĐD TRONG PHÒNG					
27.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012	- Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối chà vữa, bơm chân không, tỷ trọng kế - Bộ sàng, khay chứa, tủ sấy, tấm kính nhám, quả dọi thẳng	- Trần Tuấn Anh - Đỗ Ngọc Vĩnh	
28.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012		- Lê Hoàng Trung	
29.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012		- Dương Văn Hội	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
30.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	bằng - Cối đầm, chày đầm, dụng cụ tháo mẫu		
31.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020	- Dao vòng, cốc thủy tinh có nắp, bình hút ẩm		
32.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012	- Máy nén CBR, đồng hồ đo biến dạng, khuôn CBR, tấm đo trương nở		
7.	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
33.	Xác định dung trọng, độ ẩm của vật liệu bằng phương pháp dao đại	TCVN 12791:2020 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012	Dao vòng, cân kỹ thuật	- Trần Tuấn Anh - Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Dương Văn Hội	
34.	Xác định dung trọng, độ ẩm của vật liệu trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012	Cân kỹ thuật, bộ dụng cụ phễu rót cát		
35.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nêm		
36.	Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Belkeman	TCVN 8867:2025	Cần đo võng Belkeman, Đồng hồ đo biến dạng, nhiệt kế, giấy kẻ ly		
37.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Ổng đóng cát, bàn xoa, thước dài 500m		
38.	Xác định modul đàn hồi E nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ đồng hồ đo biến dạng		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
39.	Xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy	Đặng Tuấn Vũ	
40.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở	Trần Tuấn Anh	
41.	Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012	Kích thủy lực rỗng ruột, bộ nêm	Nguyễn Thạch Tuấn	
42.	Xác định chiều dày lớp sơn, lớp phủ	TCVN 5408:2007 TCVN 9406:2012	Máy đo chiều dày lớp phủ	Lê Hoàng Trung	
8.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG				
43.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
44.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009			
45.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009			
46.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009			
47.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009			
48.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009			
49.	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009			
9.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG				
50.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
51.	Xác định cường độ bền nén				
52.	Xác định độ rỗng				
53.	Xác định độ hút nước				
10.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TỰ CHÈN				
54.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
55.	Xác định cường độ bền nén				
56.	Xác định độ hút nước				

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
11.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN				
57.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung - Nguyễn Thạch Tuấn - Đặng Tuấn Vũ	
58.	Xác định độ hút nước				
59.	Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên				
12.	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI, LIÊN KẾT HÀN, BU LÔNG, ĐAI ỐC				
60.	Thử kéo	TCVN 197:2014	Máy kéo nén đa năng, thước đo, bộ gối uốn, ngâm kẹp	Nguyễn Thạch Tuấn	
61.	Thử uốn	TCVN 198:2008			
62.	Mối hàn vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 5401:2010			
63.	Mối hàn vật liệu kim loại – Thử kéo	TCVN 5403:2012			
64.	Thử kéo bulông, đai ốc, vật liệu bu lông	TCVN 1916:1995			
65.	Thử kéo mối nối ống bằng ren (Cupler)	TCVN 13711:2023			
13.	THỬ NGHIỆM BENTONITE				
66.	Xác định khối lượng riêng; độ nhớt; hàm lượng cát; độ pH;	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Bộ thí nghiệm bentonite; Cân kỹ thuật, bình định mức, máy đo pH	- Đỗ Ngọc Vĩnh - Lê Hoàng Trung	
14.	THỬ NGHIỆM RỌ ĐÁ, THẨM ĐÁ				
67.	Kiểm tra đường kính dây thép lưới, thép viền, kích thước mắt lưới; Cường độ chịu kéo, độ giãn dài; Dung sai kích thước rọ đá.	TCVN 10335:2014	Máy kéo đa năng, thước đo...	Nguyễn Thạch Tuấn	

4. Thông tin về Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng/Trạm thí nghiệm hiện trường:

TT	Tên máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Máy kéo thép WE-1000B (Số seri: 057)	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	CN5.M.539.26	PTN chuyên ngành xây dựng
2.	Máy kéo cáp WES-1000B (Số seri: 2510669)	HĐ: 00003122 Ngày: 02/12/2025	25H 8806/MB.CN	PTN chuyên ngành xây dựng
3.	Máy kéo nén đa năng WDW-100 (Số seri: 21060721-2)	HĐ: 00000440 Ngày: 07/04/2022	CN5.M.733.26	PTN chuyên ngành xây dựng
4.	Máy nén bê tông TYA-2000 (Số seri: 003)	HĐ: 0000199 Ngày: 06/11/2017	CN5.M.537.26	PTN chuyên ngành xây dựng
5.	Máy nén bê tông TYE-2000 (Số seri: 016)	HĐ: 00000482 Ngày: 13/02/2017	CN5.M.534.26	PTN chuyên ngành xây dựng
6.	Máy nén vữa TYA-300 (Số seri: 2510999)	HĐ: 00003122 Ngày: 02/12/2025	25H 8805/MB.CN	PTN chuyên ngành xây dựng
7.	Máy thử thấm bê tông HS-40 (Số seri: A136)	HĐ: 0000061 Ngày: 14/08/2019	CN5.M.1191.25	PTN chuyên ngành xây dựng
8.	Máy thử thấm bê tông HS-40 (Số seri: A132)	HĐ: 0000063 Ngày: 19/08/2019	CN5.M.1190.25	PTN chuyên ngành xây dựng
9.	Máy thử độ bền nén CBR/Marshall LW-50 (Số seri: 2510028)	HĐ: 00003122 Ngày: 02/12/2025	25H 8804/MB.CN	PTN chuyên ngành xây dựng
10.	Máy đầm Marshall MZ-IJA (Số seri: 20231124)	HĐ: 00003122 Ngày: 02/12/2025	IMC.2293.25	PTN chuyên ngành xây dựng
11.	Máy thử độ bền nén Marshall (Số seri: 857)	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	CN5.M.530.26	PTN chuyên ngành xây dựng
12.	Máy thử độ bền nén CBR (Số seri: 245)	HĐ: 0025709 Ngày: 08/04/2011	CN5.M.531.26	PTN chuyên ngành xây dựng
13.	Máy lắc sàng ZBSX-92A (Số seri: 4019)	HĐ: 00003122 Ngày: 02/12/2025	IMC.2292.25	PTN chuyên ngành xây dựng
14.	Máy dẫn tạo mẫu xi măng ZS-15 (Số seri: 90307)	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	CN4.M.526.26	PTN chuyên ngành xây dựng
15.	Máy trộn vữa xi măng JJ-5 (Số seri: 1781)	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	CN4.M.524.26	PTN chuyên ngành xây dựng
16.	Thiết bị đo độ cứng cao su Shore A - (Số seri: M.560.24)	HĐ: 00001129 Ngày: 29/08/2023	CN5.M.856.25	PTN chuyên ngành xây dựng
17.	Máy thử độ bền rửa trôi màng sơn - REF903 - (Số seri: 22015)	HĐ: 00000440 Ngày: 07/04/2022	CN6.M.414.25	PTN chuyên ngành xây dựng
18.	Máy đo độ bám dính vữa JW-6000C - (Số seri: S208016)	HĐ: 00000830 Ngày: 06/06/2022	CN5.M.1078.25	PTN chuyên ngành xây dựng
19.	Cân điện tử (30 kg; 1g) VIBRA ALC-30 (Số seri: BPS25060687)	HĐ: 00000269 Ngày: 03/09/2025	2120.25T/ĐLMT	PTN chuyên ngành xây dựng

TT	Tên máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
20.	Cân điện tử (30 kg; 1g) VIBRA ALC-30 (Số seri: BPS25060057)	HĐ: 00000269 Ngày: 03/09/2025	2121.25T/ĐLMT	PTN chuyên ngành xây dựng
21.	Cân điện tử (30 kg; 1g) ES-30KCC -(Số seri: 14061903)	HĐ: 0025721 Ngày: 06/06/2011	CN5.M.522.26	PTN chuyên ngành xây dựng
22.	Cân điện tử (6.2 kg; 0.1g) SHINKO (Số seri: BPS2104620111)	HĐ: 00000049 Ngày: 07/06/2012	CN5.M.727.26	PTN chuyên ngành xây dựng
23.	Cân điện tử (600g; 0.01g) DS602-TPS (Số seri: 06877)	HĐ: 00000142 Ngày: 30/09/2022	CN5.M.1079.25	PTN chuyên ngành xây dựng
24.	Cân Phân tích (220g; 0.0001g) (Số seri: D307531049)	HĐ: 0000874 Ngày: 22/09/2016	CN5.M.519.26	PTN chuyên ngành xây dựng
25.	Máy đo điện trở (4105A) (Số seri: E8503651)	HĐ: 00000239 Ngày: 17/08/2024	3176E.25/ĐLMT	PTN chuyên ngành xây dựng
26.	Máy siêu âm dò khuyết tật kim loại (DFX8) - (Số seri: 20275)	HĐ: 0000137 Ngày: 21/12/2026	CN6.M.549.25	PTN chuyên ngành xây dựng
27.	Máy siêu âm bê tông (C369N) (Số seri: C369N/BD/0132)	Số HĐ: 00000250 Ngày 18/08/2025	IMC.5243.25	PTN chuyên ngành xây dựng
28.	Máy đo chiều dày lớp phủ (CT2000) - (Số seri: 290786)	HĐ: 00000411 Ngày: 07/04/2022	CN6.M.680.26	PTN chuyên ngành xây dựng
29.	Súng bắn bê tông ZC3-A (Số seri: 248)	HĐ: 00000209 Ngày: 21/07/2025	CN4.M.894.25	PTN chuyên ngành xây dựng
30.	Cần Benkelman	HĐ: 00000031 Ngày: 17/02/2025	CN4.M.522.26	PTN chuyên ngành xây dựng
31.	Đồng hồ đo biến dạng (0-10mm) (Số seri: B118417)	HĐ: 0025709 Ngày: 08/04/2011	CN4.M.514.26	PTN chuyên ngành xây dựng
32.	Đồng hồ đo biến dạng (0-10mm) (Số seri: H167845)	HĐ: 0025709 Ngày: 08/04/2011	CN4.M.515.26	PTN chuyên ngành xây dựng
33.	Đồng hồ đo biến dạng (0-50mm) (Số seri: 80909046)	HĐ: 0025709 Ngày: 08/04/2011	CN4.M.516.26	PTN chuyên ngành xây dựng
34.	Đồng hồ đo biến dạng (0-50mm) (Số seri: 80709651)	HĐ: 0025709 Ngày: 08/04/2011	CN4.M.519.26	PTN chuyên ngành xây dựng
35.	Đồng hồ đo biến dạng (0-50mm) (Số seri: 80709630)	HĐ: 0025709 Ngày: 08/04/2011	CN4.M.518.26	PTN chuyên ngành xây dựng
36.	Đồng hồ đo biến dạng (0-50mm) (Số seri: 80709723)	HĐ: 0025709 Ngày: 08/04/2011	CN4.M.517.26	PTN chuyên ngành xây dựng
37.	Đồng hồ đo biến dạng (0-100mm) (Số seri: 8112)	HĐ: 0001863 Ngày: 07/12/2021	CN4.M.520.26	PTN chuyên ngành xây dựng
38.	Đồng hồ đo biến dạng (0-100mm) (Số seri: 8072)	HĐ: 0001863 Ngày: 07/12/2021	CN4.M.521.26	PTN chuyên ngành xây dựng
39.	Đồng hồ đo áp suất ống nước (0-7Mpa) - (Số seri: 2311597)		CN4.M.775.26	PTN chuyên ngành xây dựng
40.	Kích thủy lực TONNERS DP-1B (0-300KN) - (Số seri: 2592)	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	CN5.M.855.25	PTN chuyên ngành xây dựng

TT	Tên máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
41.	Kích thủy lực RCH-10075 (100T)	HĐ: 00000162 Ngày: 05/06/2024	CN5.M.728.26	PTN chuyên ngành xây dựng
42.	Kích thủy lực 300 Tấn (Số seri: 190710)	HĐ: 0025709 Ngày: 08/04/2011	-	PTN chuyên ngành xây dựng
43.	Máy đo kim lún nhựa đường DF-6 (Số seri: 85617433)	HĐ: 0000091 Ngày: 23/05/2019	CN4.M.525.26	PTN chuyên ngành xây dựng
44.	Máy đo giãn dài nhựa đường SY-1.5 (Số seri: 911006)	HĐ: 0025709 Ngày: 08/04/2011	CN4.M.523.26	PTN chuyên ngành xây dựng
45.	Bộ dụng cụ Bentonite ANY-1	HĐ: 00002610 Ngày: 14/10/2025	22ĐT 3222/MB.CN	PTN chuyên ngành xây dựng
46.	Bộ dụng cụ xác định lực cắt tĩnh Bentonite QL (Số seri: 202502)	HĐ: 00002610 Ngày: 14/10/2025	22ĐT 3223/MB.CN	PTN chuyên ngành xây dựng
47.	TB đo chiều dày áo sét, lượng mất nước Bentonite ZNS-5A (Số seri: 331475)	HĐ: 00002610 Ngày: 14/10/2025	22ĐH 8150/MB.CN	PTN chuyên ngành xây dựng
48.	Máy nhiệt độ hóa mềm nhựa LRY-35	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	CN5.M.518.26	PTN chuyên ngành xây dựng
49.	Bể ổn nhiệt BTN DHC-57 (Số seri: 210030)	HĐ: 0002193 Ngày: 19/01/2021	CN5.M.517.26	PTN chuyên ngành xây dựng
50.	Thiết bị thử độ bắt lửa nhựa đường	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	-	PTN chuyên ngành xây dựng
51.	Máy chiết ly BTN SLF-400 (Số seri: 140805)	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	-	PTN chuyên ngành xây dựng
52.	Tủ thí nghiệm đốt dây điện TA121 (Số seri: 22022)	HĐ: 00000440 Ngày: 07/04/2022	IMC.8031.26	PTN chuyên ngành xây dựng
53.	TB đo điện trở cách điện Fuke 17B+ (Số seri: 54640554WS)	HĐ: 00000412 Ngày: 07/04/2022	-	PTN chuyên ngành xây dựng
54.	Thiết bị đo thông mạch Hioki (Số seri: 191122691)	HĐ: 00000411 Ngày: 07/04/2022	-	PTN chuyên ngành xây dựng
55.	Máy kéo thép WE-1000B (Số seri: 034)	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	CN5.M.858.25	Trạm TNHT Mỹ Ca
56.	Máy nén bê tông TYA-2000 (Số seri: 1712430A)	HĐ: 0000078 Ngày: 18/05/2018	CN5.M.731.26	Trạm TNHT Mỹ Ca
57.	Máy nén vữa TYA-300 (Số seri: 080)	HĐ: 0025721 Ngày: 06/06/2011	CN5.M.533.26	Trạm TNHT Mỹ Ca
58.	Máy thử thấm bê tông HS-40 (Số seri: 171108)	HĐ: 0000024 Ngày: 15/11/2018	CN4.M.828.26	Trạm TNHT Mỹ Ca
59.	Máy dẫn tạo mẫu xi măng ZS-15 (Số seri: 10442)	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	CN4.M.526.26	Trạm TNHT Mỹ Ca
60.	Máy trộn vữa xi măng JJ-5 (Số seri: 140321)	HĐ: 0020783 Ngày: 05/01/2011	CN4.M.524.26	Trạm TNHT Mỹ Ca
61.	Cân điện tử (30 kg; 1g) VIBRA ALC-30 (Số seri: BPS25073047)	HĐ: 00000301 Ngày: 30/09/2025	2108.25T/ĐLMT	Trạm TNHT Mỹ Ca

TT	Tên máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
62.	Cân điện tử (30 kg; 1g) TPS 30 (Số seri: 200445)	HĐ: 0000467 Ngày: 25/06/2014	CN5.M.525.26	Trạm TNHT Mỹ Ca
63.	Cân điện tử (6 kg; 0.1g) (Số seri: 140806081)	HĐ: 0000624 Ngày: 21/10/2014	CN5.M.520.26	Trạm TNHT Mỹ Ca
64.	Máy đo điện trở (4102A) (Số seri: W8144955)	HĐ: 0000488 Ngày: 07/04/2016	CN6.M.301.26	Trạm TNHT Mỹ Ca
65.	Máy đo chiều dày lớp sơn, lớp phủ (TG-2100FN) (Số seri: M.548.25)	HĐ: 0005133 Ngày: 09/08/2018	CN6.M.548.25	Trạm TNHT Mỹ Ca
66.	Kích thủy lực JHS (0-300KN) (Số seri: JSCH-3063)	HĐ: 0000015 Ngày: 23/10/2021	CN5.M.854.25	Trạm TNHT Mỹ Ca
67.	Các công cụ dụng cụ khác			

5. Thông tin năng lực của Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng/Trạm thí nghiệm hiện trường:

TT	Tên Thí nghiệm viên	Mã số định danh cá nhân	Hồ sơ về trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Đỗ Hữu Quốc Bảo	056088003634	- Kỹ sư xây dựng - Chứng nhận đào tạo về Nhận thức chung và đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 - Chứng chỉ thí nghiệm cơ lý bê tông và VLXD, Số: 6075/2009/VKH-TNXD, ngày 15/12/2009 - Chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra tính chất hóa học của nước xây dựng, Số: 12905-A13744B/VNĐ-TNV, ngày 28/02/2020	Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
2.	Hoàng Anh Thư	031087020282	- Kỹ sư xây dựng - Chứng chỉ quản lý PTN xây dựng, Số: 12845-A13622B/VNĐ-TNV; ngày 28/02/2020 - Chứng chỉ thí nghiệm tính chất cơ lý VLXD (Bê tông, xi măng, cát, đá), Số: 201711060/VKHCN, ngày 14/12/2017	Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên Thí nghiệm viên	Mã số định danh cá nhân	Hồ sơ về trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3.	Phùng Nguyễn Lai	056082004087	- Kỹ sư xây dựng - Bằng trung cấp nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô. Số: 000425335/LĐTBOXH-DN, ngày 18/05/2004 - Chứng chỉ Quản lý PTN theo TCVN ISO/IEC 17025:2017. Số: 0121/QLPTN2026-ĐHXDHN, ngày 27/03/2026	Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng & Trạm hiện trường Mỹ Ca
4.	Dương Văn Hội	056088003589	- Trung cấp địa chất công trình - Chứng nhận đào tạo về Nhận thức chung và đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 - Chứng chỉ Sơ cấp nghề thí nghiệm viên ngành xây dựng công trình. Số: 204/AET, ngày 06/04/2012.	Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
5.	Nguyễn Thạch Tuấn	054092006358	- Cao đẳng địa chất công trình - Chứng nhận đào tạo về Nhận thức chung và đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 - Chứng chỉ thí nghiệm các tính chất cơ - lý thép xây dựng. Số: 15787-A15789B/VNĐ-TNV, ngày 30/06/2020 - Chứng chỉ thí nghiệm tính chất cơ lý VLXD (Bê tông, xi măng, cát, đá). Số: 201711057/VKHCHN, ngày 14/12/2017	Trạm thí nghiệm hiện trường Mỹ Ca
6.	Lê Trường Vũ	056083006279	- Trung cấp địa chất công trình - Chứng nhận đào tạo về Nhận thức chung và đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 - Chứng chỉ thí nghiệm các tính chất cơ - lý thép xây dựng. Số: 15783-A15786B/VNĐ-TNV, ngày 30/06/2020 - Chứng chỉ thí nghiệm tính chất cơ lý VLXD (Bê tông, xi măng, cát, đá). Số: 201711058/VKHCHN, ngày 14/12/2017	Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
7.	Trần Tuấn Anh	036093016198	- Trung cấp Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Chứng nhận đào tạo về Nhận thức chung và đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 - Chứng chỉ thí nghiệm các tính	Trạm thí nghiệm hiện trường Mỹ Ca

TT	Tên Thí nghiệm viên	Mã số định danh cá nhân	Hồ sơ về trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			chất cơ - lý bê tông nhựa trong phòng và hiện trường. Số: 12886-A13869/VNĐ-TNV, ngày 18/02/2020 - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra hệ thống chống sét. Số: 14622-A14618/VNĐ-TNV, ngày 25/05/2020 - Chứng chỉ Sơ cấp nghề thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ. Số: 13916, ngày 06/03/2018	
8.	Đỗ Ngọc Vĩnh	015077009984	- Trung cấp điện công nghiệp - Chứng nhận đào tạo về Nhận thức chung và đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra hệ thống chống sét. Số: 12849-A13627B/VNĐ-TNV, ngày 28/02/2020 - Chứng chỉ thí nghiệm cơ lý đất trong phòng và hiện trường. Số: 17751-A15905B/VNĐ-TNV, ngày 25/05/2020 - Chứng chỉ thí nghiệm cơ lý của vật liệu xây dựng. Số: 201411006/VKHCN, ngày 10/03/2014	Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng & Trạm thí nghiệm hiện trường Mỹ Ca
9.	Đặng Tuấn Vũ	052096003523	- Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật xây dựng - Chứng chỉ Quản lý PTN theo TCVN ISO/IEC 17025:2017. Số: 2023/QL1-081/VKHCN, ngày 28/09/2023 - Chứng chỉ TN phân tích hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông. Số: 0163/HH2026-ĐHXDHN - Chứng chỉ thí nghiệm tính chất cơ lý của bê tông và VLXD trong phòng và hiện trường, Số: 201708135/VKHCN, ngày 17/11/2017 - Chứng chỉ thí nghiệm bê tông bằng phương pháp không phá hủy. Số: 2023/BT1-060/VKHCN, ngày 09/09/2023	Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng & Trạm thí nghiệm hiện trường Mỹ Ca

TT	Tên Thí nghiệm viên	Mã số định danh cá nhân	Hồ sơ về trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10.	Lê Hoàng Trung	015084008938	- Trung cấp văn hóa nghệ thuật - Chứng nhận đào tạo về Nhận thức chung và đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 - Chứng chỉ Kiểm tra không phá hủy, kiểm tra siêu âm. Số: 401-21UT/TECHS/NDT, ngày 19/04/2021 - Chứng chỉ thí nghiệm cơ lý bê tông và vật liệu trong phòng và hiện trường. Số: 12882-A13861B/VNĐ-TNV, ngày 28/02/2020 - Chứng chỉ thí nghiệm cơ lý bê tông nhựa trong phòng và hiện trường. Số: 14685-A15712/VNĐ-TNV, ngày 05/05/2020 - Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu xây dựng. Số: 001221, ngày 12/04/2016 - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. Số: 13641/2016/VKH-TNXD, ngày 08/01/2016	Trạm thí nghiệm hiện trường Mỹ Ca

Công ty Cổ phần SDC chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDC
GIÁM ĐỐC



LÊ KHÁNH PHƯƠNG